

PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP (LẦN 2)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 được duyệt theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của HĐND đặc khu						Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 điều chỉnh kỳ này						Tăng (+); Giảm (-)
		Tổng 5 năm 2021-2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	Tổng số: I+II	1,175,768	128,747	339,054	186,519	198,104	323,344	1,155,768	128,747	339,054	186,519	198,104	303,344	-20,000
I	Huyện Cát Hải	852,424	128,747	339,054	186,519	198,104		852,424	128,747	339,054	186,519	198,104		
II	Đặc khu Cát Hải	323,344					323,344	303,344					303,344	-20,000
III	Chi tiết nguồn	1,175,768	128,747	339,054	186,519	198,104	323,344	1,155,768	128,747	339,054	186,519	198,104	303,344	-20,000
1	Ngân sách thành phố phân cấp	689,082	111,803	132,583	132,402	145,930	166,364	689,082	111,803	132,583	132,402	145,930	166,364	
2	Nguồn thu từ sử dụng đất (điều tiết cấp huyện, xã)	71,324	11,944	11,880	15,000	15,000	17,500	71,324	11,944	11,880	15,000	15,000	17,500	
3	Nguồn thu hợp pháp khác	227,692	5,000	30,310	15,728	37,174	139,480	207,692	5,000	30,310	15,728	37,174	119,480	-20,000
-	Thành phố cấp bổ sung cho dự án, nhiệm vụ TP giao						96,054						76,054	-20,000
-	Thuởng vượt thu, khen thưởng của thành phố		5,000	30,310					5,000	30,310				
-	Vượt thu dự toán năm trước				15,728	37,174	43,426				15,728	37,174	43,426	
4	Nguồn xây dựng NTM kiểu mẫu	187,670		164,280.721	23,389.476			187,670		164,280.721	23,389.476			

PHỤ LỤC II
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP (LẦN 2)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Được duyệt theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của HĐND đặc khu						Điều chỉnh kỳ này						Chênh lệch tổng nhu cầu vốn	Chênh lệch tổng kế hoạch vốn
		Số dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Số dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				
					NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ huyện quyết định đầu tư	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố quyết định đầu tư	NSTP phân cấp dành cho các dự án xây dựng NTM kiểu mẫu				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ của đặc khu	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố quyết định giao	NSTP phân cấp dành cho các dự án xây dựng NTM kiểu mẫu		
	TỔNG CỘNG: A+B+C	86	1,475,821	1,175,768	549,079	439,019	187,670	85	1,471,396	1,155,768	549,079	419,019	187,670	-4,425	-20,000
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2021-2025	24	258,098	225,148	133,932	91,216		24	258,098	225,148	133,932	91,216		0	0
I	Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án thành phố quyết định đầu tư	3	56,063	45,471	0	45,471		3	56,063	45,471	0	45,471		0	0
II	Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án huyện quyết định đầu tư	21	202,035	179,677	133,932	45,745		21	202,035	179,677	133,932	45,745		0	0
1	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội	11	194,953	172,594	126,849	45,745		11	194,953	172,595	126,849	45,745		0	0
2	Dự án theo chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Xuân Đám	10	7,082	7,082	7,082			10	7,082	7,082	7,082			0	
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	57	1,030,053	762,950	415,147	347,803		56	1,025,628	742,950	415,147	327,803		-4,425	-20,000
I	Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án huyện quyết định đầu tư	57	1,030,053	762,950	415,147	347,803		56	1,025,628	742,950	415,147	327,803		-4,425	-20,000
1	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội	57	1,030,053	762,950	415,147	347,803		56	1,025,628	742,950	415,147	327,803		-4,425	-20,000
-	Năm 2021	5	76,981	76,981	67,981	9,000		5	76,981	76,981	67,981	9,000		0	0
-	Giai đoạn 2022-2023	22	433,219	358,975	162,108	196,867		22	433,219	357,395	160,528	196,867		0	-1,580
-	Giai đoạn 2024-2025	30	519,853	326,994	185,058	141,936		29	515,428	308,574	186,638	121,936		-4,425	-18,420
2	Vốn chuẩn bị đầu tư														
II	Dự phòng kế hoạch vốn chưa phân bổ kỳ này			0	0	0				0	0	0			
C	DỰ ÁN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU	5	187,670	187,670			187,670	5	187,670	187,670			187,670		

**PHỤ BIỂU II.1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHUYỂN TIẾP
SANG GIAI ĐOẠN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH SAU SẮP XẾP (LẦN 2)**

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
	TỔNG CỘNG: A+B	623,837	365,739	258,098	225,148	133,932	91,216	
A	DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ SỬ DỤNG TOÀN BỘ VỐN NSTP PHÂN CẤP CHO ĐẶC KHU	306,448	250,385	56,063	45,471	0	45,471	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường nối Khu I-Vịnh Tùng Đình, thị trấn Cát Bà	127,177	109,619	17,558	17,558		17,558	QT
2	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tại xã Phù Long, huyện Cát Hải	122,606	87,014	35,592	25,000		25,000	
3	Dự án đầu tư Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà - Giai đoạn I, xã Trân Châu, huyện Cát Hải (Cơ cấu vốn: Huyện 58 tỉ đồng; còn lại NSTP)	56,665	53,752	2,913	2,913		2,913	QT
B	DỰ ÁN ĐẶC KHU QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	317,389	115,354	202,035	179,677	133,932	45,745	
I	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội	277,337	82,384	194,953	172,595	126,849	45,745	
1	San lấp mặt bằng khu dân cư xã Xuân Đám	383		383	383	383		QT
2	Xây dựng khu tái định cư tại TDP Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	113,360	11,002	102,358	80,000	80,000		

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
3	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp khuôn viên, sân khấu trung tâm du lịch Cát Bà	13,994	11,962	2,032	2,032	2,032		QT
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đoạn qua khu Trung tâm văn hóa thể thao huyện	3,212	2,681	531	531	531		QT
5	Xây dựng Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường THPT Cát Bà	14,243	9,043	5,200	5,200	5,200		QT
6	Dự án trồng hoa hai bên tuyến đường xuyên đảo Cát Bà phục vụ phát triển du lịch	52,603	12,928	39,675	39,675	10,675	29,000	QT
7	Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa đường vòng Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà	5,103	4,365	738	738	738		QT
8	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Ngã 3 Núi Xê đến bến Bèo	53,814	25,043	28,771	28,771	12,025	16,745	QT
9	Xây dựng nhà làm việc Ban Quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà	10,646	3,660	6,986	6,986	6,986		QT
10	Quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Hải đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cát Hải	1,872	1,500	372	372	372		QT
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại xã Xuân Đám	8,107	200	7,907	7,907	7,907		QT
II	Dự án theo chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu Xuân Đám	40,052	32,970	7,082	7,082	7,082	0	
1	Đường gắn với tỉnh lộ 356 đoạn bãi Cát Đồn thôn 1 đến ngã ba cổng làng	3,473	2,880	593	593	593		QT
2	Đường từ Nhà văn hóa thôn 1 đến Ao nước thôn 1	7,499	6,660	839	839	839		QT

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
3	Đường từ cổng Làng đến đường 356	4,912	4,100	812	812	812		QT
4	Đường trục thôn từ nhà ông Dân đến nhà văn hóa thôn 2,3	1,226	800	426	426	426		QT
5	Đường trục thôn từ nhà ông Mặc đến Nhà văn hóa thôn 4	686	600	86	86	86		QT
6	Đường trục thôn từ nhà ông Hanh đến nhà ông Vui	5,058	3,600	1,458	1,458	1,458		QT
7	Đường ngõ xóm thôn 1	6,625	5,130	1,495	1,495	1,495		QT
8	Đường ngõ xóm thôn 2	2,905	2,900	5	5	5		QT
9	Đường ngõ xóm thôn 3	2,922	2,200	722	722	722		QT
10	Đường ngõ xóm thôn 4	4,746	4,100	646	646	646		QT

**PHỤ BIỂU II.2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI MỚI
GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2021-2025 CỦA ĐẶC KHU ĐIỀU CHỈNH SAU SẮP XẾP (LẦN 2)**

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
	TỔNG CỘNG: I+II+III	1,025,628	742,950	415,147	327,803	
I	DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2021	76,981	76,981	67,981	9,000	
1	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, khuôn viên khu trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ ngã ba Cảng Cá đến chân dốc Cát Cò 1)	38,635	38,635	29,635	9,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
2	Xây dựng công chào khu trung tâm du lịch Cát Bà	22,320	22,320	22,320		QT
3	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đoạn trước cổng Huyện ủy và UBND huyện	7,338	7,338	7,338		QT
4	Nâng cấp, mở rộng Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Cát Hải	8,146	8,146	8,146		QT
5	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư đảo Cát Hải (Giai đoạn 1)	542	542	542		QT
II	DANH MỤC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2022-2023	433,219	357,395	160,528	196,867	
1	Xây dựng công trình phòng thủ huyện Cát Hải	57,710	51,304		51,304	
2	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường Hà Sen (từ ngã ba Xây Dựng cũ đến ngã ba thị trấn Cát Bà)	13,909	13,909	11,909	2,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
3	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường 1/4 (từ cổng chợ Cát Bà đến ngã ba thị trấn Cát Bà)	10,872	10,872	9,872	1,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường Cái Bèo (từ ngã ba Núi Xê đến ngã ba thị trấn Cát Bà)	9,763	9,763	8,763	1,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
5	Xây dựng Nhà đa năng và phòng học chức năng Trường THPT Cát Bà	14,386	14,386	12,086	2,300	QT
6	Xây dựng nhà làm việc công an xã Trân Châu	3,707	3,707		3,707	QT
7	Xây dựng nhà làm việc công an xã Việt Hải	1,059	1,059		1,059	QT

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
8	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà (giai đoạn 1)	9,060	9,060	9,060		QT
9	Xây dựng nhà làm việc công an xã Gia Luận	4,509	4,509		4,509	QT
10	Xây dựng nhà làm việc công an xã Phù Long	7,520	2,250		2,250	Tạm dừng
11	Xây dựng nhà làm việc công an xã Hiền Hào	5,870	5,870		5,870	QT
12	Xây dựng nhà làm việc công an xã Xuân Đám	4,206	4,206		4,206	QT
13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư quỹ đất 10% thuộc Dự án khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	33,408	27,420	27,420		
14	Dự án Xây dựng Công viên cây xanh Khu du lịch vịnh trung tâm Cát Bà	99,311	56,500		56,500	
15	Dự án Xây dựng Nhà văn hóa xã Việt Hải	6,156	6,156	5,156	1,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
16	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Hải	1,499	1,499	1,499		QT
17	Cải tạo, nâng cấp đường và vỉa hè khu Trung tâm du lịch thị trấn Cát Bà (đoạn KS Hùng Long đến Cát Cò 3)	13,699	13,699	13,699		QT
18	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà (giai đoạn 2)	14,059	14,059	14,059		QT
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải khu dân cư quanh Hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà	48,850	33,500	33,500		
20	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải (giai đoạn 3) và xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ khu vực đảo Cát Hải	65,557	65,557	6,205	59,352	QT
21	Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm du lịch Cát Bà	7,300	7,300	7,300		QT
22	Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng phục vụ kỳ họp số của Hội đồng nhân dân huyện	810	810		810	QT
III	DANH MỤC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2024-2025	515,428	308,574	186,638	121,936	

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống kè chống sạt lở đường Núi Xê	14,386	14,386	14,386		QT
2	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 161 đến số nhà 225, Phố Cát Bà - từ ngã 3 Cảng Cá đến khách sạn Viễn Đông)	7,857	7,857	7,857		QT
3	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 226, Phố Cát Bà-khách sạn Cát Bà Dream đến chân dốc Cát Cò 1)	8,242	8,242	8,242		QT
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 01, Phố Núi Ngọc - khách sạn Cát Bà Waterside đến chân dốc Núi Xê và đường ngang Núi Ngọc)	13,408	13,408	13,408		QT
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 224, Phố Núi Ngọc- khách sạn Viễn Đông đến chân dốc Núi Xê)	12,665	12,665	12,665		QT
6	Đầu tư xây dựng bể bơi và các công trình phục vụ học tập thể chất Trường TH&THCS Phù Long	10,522	10,522	10,522		QT
7	Đầu tư xây dựng bể bơi học sinh trường TH&THCS Hà Sen	4,203	4,203	4,203		QT
8	Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao huyện	6,966	6,950	6,950		
9	Cải tạo nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Việt Hải	4,220	4,220	4,220		QT
10	Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bãi, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ	112,350	78,504	2,450	76,054	Giảm KHV
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xuyên đảo Cát Bà đoạn từ ngã 3 Áng Sỏi đến hang Quân Y, xã Trân Châu	14,418	14,418		14,418	QT
12	Hạ ngầm đường điện trung thế 35kV từ cột 224 đến cột 227 lộ 375E2.43 tại Tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	7,081	6,700	6,700		

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
13	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư đảo Cát Hải (giai đoạn 1) - lần 3	443	443	443		QT
14	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm xử lý nước thải thị trấn Cát Bà	8,139	8,139	8,139		QT
15	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Lộ (cơ sở 2)	91,324	33,000	21,500	11,500	
16	Xây dựng Trường Mầm non Sao Mai (cơ sở 2)	57,260	33,100	20,000	13,100	
17	Đầu tư khắc phục các công trình vi phạm các nội dung không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy của huyện Cát Hải	14,990	1,200		1,200	
18	Xây dựng kè bê tông tại lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà	8,047	5,500	5,500		
19	Đầu tư các hạng mục hỗ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà	4,425	1,500	1,500		
20	Nạo vét hồ Tùng Dinh thị trấn Cát Bà	14,797	12,322	12,322		
21	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải	140	140	140		QT
22	Đầu tư hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	3,658	400	400		
23	Đầu tư xây dựng mới Trường THPT Cát Hải (Cơ cấu vốn đặc khu phân bổ 30.731 triệu đồng)	30,731	5,664		5,664	
24	Nâng cấp, cải tạo mặt đường, hệ thống cống thoát nước mặt từ đường Hà Sen đến đường Tùng Dinh và đường 1/4 trung tâm du lịch đặc khu Cát Hải	14,929	5,850	5,850		
25	Nâng cấp hệ thống thoát nước và đường khu tái định cư thôn Hải Sơn, đặc khu Cát Hải	16,879	5,600	5,600		
26	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên, các công trình phụ trợ, nhà làm việc trụ sở HĐND UBND đặc khu Cát Hải	7,622	2,761	2,761		
27	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Hải	4,894	1,510	1,510		
28	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà	10,129	4,620	4,620		

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
29	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông khu TĐC Nghĩa Lộ (dự án 8,2ha)	10,703	4,750	4,750		

**PHỤ BIỂU II.3: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025**

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:	
				NSTP phân cấp dành cho các dự án xây dựng NTM kiểu mẫu	
	TỔNG CỘNG:	187,670	187,670	187,670	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Phù Long	26,872.266	26,872.266	26,872.266	QT
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Gia Luận	65,155.389	65,155.389	65,155.389	QT
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Hiền Hào	16,333.019	16,333.019	16,333.019	QT
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trân Châu	56,308.337	56,308.337	56,308.337	QT
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Việt Hải	23,001.186	23,001.186	23,001.186	QT

PHỤ LỤC III: CHI TIẾT DỰ ÁN TĂNG, GIẢM NHU CẦU VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của HĐND đặc khu	Chi tiết điều chỉnh		Điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
A	CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH NHU CẦU VỐN	16,222	-4,425	0	11,797	-4,425
I	Dự án giảm nhu cầu vốn	16,222	-4,425	0	11,797	-4,425
	<i>Dự án có quyết toán được duyệt</i>					
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm xử lý nước thải thị trấn Cát Bà	8,851	-712		8,139	-712
	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>					0
2	Đầu tư hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	7,371	-3,713		3,658	-3,713
II	Dự án tăng nhu cầu vốn					
B	CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN	148,804	-20,361	1,941	128,804	-20,000
I	Dự án giảm kế hoạch vốn	136,004	-20,361	0	114,063	-21,941
	<i>Dự án có quyết toán được duyệt</i>					
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm xử lý nước thải thị trấn Cát Bà	8,500	-361		8,139	-361
	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>					
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư quỹ đất 10% thuộc Dự án khu đô thị du lịch Cát Giá - Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	29,000			27,420	-1,580
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bài, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ	98,504	-20,000		78,504	-20,000
II	Dự án tăng kế hoạch vốn	12,800	0	1,941	14,741	1,941
	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>					
1	Nâng cấp, cải tạo mặt đường, hệ thống cống thoát nước mặt từ đường Hà Sen đến đường Tùng Dinh và đường 1/4 trung tâm du lịch đặc khu Cát Hải	5,400		450	5,850	450

STT	Tên dự án	Theo Nghị quyết số 23/NQ- HĐND ngày 17/10/2025 của HĐND đặc khu	Chi tiết điều chỉnh		Điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
2	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên, các công trình phụ trợ, nhà làm việc trụ sở HĐND UBND đặc khu Cát Hải	2,400		361	2,761	361
3	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Hải	1,100		410	1,510	410
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà	3,900		720	4,620	720